

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2026/DS-PT

Ngày: 03 - 4 - 2026

V/v Hủy hợp đồng chuyển nhượng

Quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Tài - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 583/2025/TLPT-DS, ngày 17 tháng 12 năm 2025, về việc “*Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2025/DS-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 131/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 170/2026/QĐ-PT ngày 06/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Q. Địa chỉ: Thôn L, xã K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P. Địa chỉ: Thôn C, xã K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: 2 Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn H, bà Phạm Thị D. Cùng địa chỉ: Thôn G, xã T, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Lê Văn Q trình bày: Ngày 15/01/2025, tôi ký hợp đồng chuyển nhượng QSD đất thửa đất số 226, tờ bản đồ số 45, địa chỉ xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với diện tích 10.526,3m² theo

giấy chứng nhận QSD đất số CQ554188, vào sổ số CS12365 do Sở tài nguyên – môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/5/2019 cho ông Nguyễn Quốc H1, bà Dương Thị Kim A, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K thay đổi chủ sử dụng đất ngày 11/9/2020 cho ông Nguyễn Văn P. Việc nhận chuyển nhượng qua anh Nguyễn H, chị Phạm Thị D (là người được ông Nguyễn Văn P ủy quyền), hợp đồng chuyển nhượng QSD đất được Văn phòng C chứng thực. Sau khi hợp đồng được ký kết thì tôi đã 02 lần chuyển tiền cho anh Nguyễn H số tiền là 500.000.000 đồng.

Sau khi thực hiện việc chuyển nhượng QSD đất và chuyển tiền cho anh Nguyễn H và chị Phạm Thị D (là người đã được ông Nguyễn Văn P ủy quyền), tôi liên hệ với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K để làm hồ sơ sang tên. Ngày 23/5/2025, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K có thông báo số 128/TB-CNKN về việc hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.

Tôi đã nhiều lần gặp anh Nguyễn H, chị Phạm Thị D (là người được ông Nguyễn Văn P ủy quyền) và ông Nguyễn Văn P yêu cầu hoàn trả lại số tiền 500.000.000 đồng mà tôi đã chuyển nhưng anh Nguyễn H, chị Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn P không chịu trả.

Nay tôi đề nghị giải quyết vấn đề như sau: Hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 15/01/2025 bên chuyển nhượng ông Nguyễn H, bà Phạm Thị D (người được ông Nguyễn Văn P ủy quyền) và bên nhận chuyển nhượng Lê Văn Q. Buộc ông Nguyễn Văn P (là người ủy quyền) trả lại số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định cho tôi.

- **Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:** Khoảng tháng 4 năm 2024, tôi có vay của anh Nguyễn H, chị Phạm Thị D, địa chỉ tại thôn G, xã T với số tiền là 500.000.000 đồng. Khi vay thì tôi có thể chấp cho anh H, chị D giấy chứng nhận QSD đất số CQ554188, theo số thửa 226, tờ bản đồ số 45, diện tích 10.526,3m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã được biến động mang tên tôi (Nguyễn Văn P).

Sau đó, tôi có ký Hợp đồng ủy quyền cho anh H, chị D theo số công chứng 005331 tại Văn phòng C về việc chuyển nhượng diện tích đất trên.

Ngày 15/01/2025, anh Nguyễn H và chị Phạm Thị D chuyển nhượng diện tích đất theo giấy chứng nhận QSD đất số CQ554188 cho anh Lê Văn Q và đã được làm hợp đồng công chứng tại Văn phòng C.

Ngày 24/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xử và tuyên hủy Giấy chứng nhận QSD đất số CQ554188 đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K thay đổi chủ sử dụng đất ngày 11/9/2020 cho tôi (Nguyễn Văn P).

Tôi có kháng cáo và tại Bản án số 137/2025/DS-PT ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định “Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Do giấy chứng nhận QSD đất số CQ554188 đã bị hủy biến động mang tên tôi theo như Bản án phúc thẩm đã tuyên và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Nay yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Lê Văn Q** về việc đề nghị tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa bên chuyển nhượng (bên A) là **Nguyễn Văn P**, ủy quyền cho anh **Nguyễn H**, chị **Phạm Thị D** với bên nhận chuyển nhượng (bên B) anh **Lê Văn Q** đã được **Văn phòng C** công chứng ngày 15/01/2025 và hoàn trả số tiền chuyển nhượng là 500.000.000 đồng cho anh **Lê Văn Q** thì tôi chấp nhận.

Việc không thể thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng đất (không thể sang tên được cho bên mua) là do yếu tố khách quan. Tôi đồng ý sẽ trả cho anh **Nguyễn H**, chị **Phạm Thị D** số tiền 500.000.000 đồng để anh **H**, chị **D** trả lại cho anh **Lê Văn Q** và tôi cũng đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng trên.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H, bà Phạm Thị D trình bày: Khoảng tháng 4 năm 2024, chúng tôi có cho anh **Nguyễn Văn P** vay mượn với số tiền là 500.000.000 đồng.

Khi vay thì anh **P** có thể chấp cho chúng tôi giấy chứng nhận QSD đất số CQ554188, theo số thửa 226, tờ bản đồ số 45, diện tích 10.526,3m² tại **xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, đã được biến động mang tên anh **Nguyễn Văn P**.

Sau đó, anh **P** có ký Hợp đồng ủy quyền cho chúng tôi theo số công chứng 005331 tại **Văn phòng C** về việc chuyển nhượng diện tích đất trên.

Ngày 15/01/2025, chúng tôi chuyển nhượng diện tích đất theo giấy chứng nhận QSD đất số CQ554188 cho anh **Lê Văn Q** và đã được làm hợp đồng công chứng tại **Văn phòng C**.

Nay yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn anh **Lê Văn Q** về việc đề nghị tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa bên chuyển nhượng (bên A) là **Nguyễn Văn P**, ủy quyền cho chúng tôi (**N, Phạm Thị D**) với bên nhận chuyển nhượng (bên B) anh **Lê Văn Q** đã được **Văn phòng C** công chứng ngày 15/01/2025 và hoàn trả số tiền chuyển nhượng là 500.000.000 đồng cho anh **Lê Văn Q** thì chúng tôi chấp nhận.

Việc không thể thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng đất (không thể sang tên được cho bên mua) là do yếu tố khách quan. Chúng tôi đề nghị anh **Nguyễn Văn P** trả lại cho chúng tôi số tiền 500.000.000 đồng và chúng tôi sẽ trả lại cho anh **Lê Văn Q** số tiền 500.000.000 đồng và chúng tôi cũng đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng trên.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đề nghị và đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 15/01/2025 giữa bên chuyển nhượng ông **Nguyễn Văn P** (ủy quyền cho ông **Nguyễn H**, bà **Phạm Thị D**) với bên nhận chuyển nhượng ông **Lê Văn Q**, được công chứng tại **Văn phòng C** theo số công chứng 000599, quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD. Về hậu quả của việc hủy hợp đồng, ông **Nguyễn H** và bà **Phạm Thị D** đồng ý sẽ hoàn trả số tiền 500.000.000 đồng cho ông **Lê Văn Q** sau khi lấy được từ ông **Nguyễn Văn P**. Bồi thường cho ông **Lê Văn Q** theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 15/01/2025 đến khi trả hết số tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa

án nhân dân khu vực 10 – Đắc Lắc đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 53 Luật công chứng; khoản 4 Điều 422, Điều 423, Điều 425 và Điều 427 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Lê Văn Q.**

1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 15/01/2025 giữa bên chuyển nhượng ông **Nguyễn Văn P** (ủy quyền cho ông **Nguyễn H**, bà **Phạm Thị D**) với bên nhận chuyển nhượng ông **Lê Văn Q**, được công chứng tại **Văn phòng C** theo số công chứng 000599, quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD.

2. Ông **Nguyễn Văn P**, ông **Nguyễn H**, bà **Phạm Thị D** phải liên đới hoàn trả cho ông **Lê Văn Q** số tiền 500.000.000 đồng và 34.583.330 đồng tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm, tổng công là: 534.583.330 đồng (làm tròn số là 534.583.000 đồng).

Ông **Nguyễn Văn P**, ông **Nguyễn H**, bà **Phạm Thị D** phải chịu tiếp lãi suất là 0,83%/ tháng của số tiền 500.000.000 đồng kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả hết số tiền 500.000.000 đồng đã nhận.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/10/2025, bị đơn ông **Nguyễn Văn P** kháng cáo một phần bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chỉ buộc ông **P** liên đới hoàn trả số tiền theo đúng giá trị ghi trong hợp đồng công chứng là 500.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại số tiền 34.583.330 đồng của nguyên đơn; xác định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông **Nguyễn Văn P**, giữ nguyên

Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hậu quả pháp lý của việc hủy hợp đồng:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/01/2025 giữa ông Nguyễn Văn P (ủy quyền cho ông Nguyễn H, bà Phạm Thị D) với ông Lê Văn Q đã bị cấp sơ thẩm tuyên hủy là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2015, khi hợp đồng bị hủy bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Trong vụ án này, hợp đồng chuyển nhượng không có điều khoản thỏa thuận về phạt vi phạm hoặc bồi thường thiệt hại khi xảy ra vi phạm. Mặt khác, tại đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn ông Lê Văn Q chỉ yêu cầu hủy hợp đồng và hoàn trả số tiền 500.000.000 đồng cùng tiền lãi, không yêu cầu bồi thường thiệt hại độc lập ngoài khoản lãi chậm trả.

Khoản tiền 34.583.330 đồng mà cấp sơ thẩm xác định là “bồi thường thiệt hại do vi phạm” thực chất được tính theo mức lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền 500.000.000 đồng từ ngày 15/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, trong trường hợp hợp đồng bị hủy bỏ thì hậu quả pháp lý chủ yếu là hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, khoản tiền lãi phát sinh được xem xét theo nghĩa vụ hoàn trả tiền và nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, không phải là khoản bồi thường thiệt hại độc lập.

Do đó, việc cấp sơ thẩm vừa buộc hoàn trả số tiền 500.000.000 đồng, vừa tuyên thêm 34.583.330 đồng tiền “bồi thường thiệt hại do vi phạm” là chưa phù hợp với bản chất pháp lý của quan hệ tranh chấp và vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán tiền lãi:

Xét thấy số tiền 500.000.000 đồng ông Lê Văn Q đã giao cho bên chuyển nhượng nhưng không nhận được quyền sử dụng đất, nên bên nhận tiền phải có nghĩa vụ hoàn trả và chịu lãi đối với số tiền đã chiếm giữ theo mức lãi suất 0,83%/tháng như các bên thừa nhận.

Tuy nhiên, thời điểm tính lãi cần xác định kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (06/8/2025) đến ngày xét xử sơ thẩm (26/9/2025), vì kể từ thời điểm này bên có nghĩa vụ đã chính thức bị yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thông qua thủ tục tố tụng. Do đó, cần buộc ông Nguyễn Văn P phải chịu lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 500.000.000 đồng trong khoảng thời gian từ ngày 06/8/2025 đến ngày 26/9/2025.

Ông P cho rằng nghĩa vụ trả tiền thuộc về ông Nguyễn H và bà Phạm Thị D. Tuy nhiên, xét thấy theo Hợp đồng ủy quyền, ông P đã ủy quyền hợp pháp cho ông H, bà D thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhận tiền từ ông Q. Việc ông H, bà D ký hợp đồng chuyển nhượng với ông Q là nhân danh ông P, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ trực tiếp đối với ông P theo quy định của pháp luật. Do đó, số tiền 500.000.000 đồng mà ông H đã nhận từ ông Q được xác định là đã nhận thay cho ông P. Trường hợp ông H, bà D không giao lại số tiền này cho ông P thì đây là quan hệ nội bộ giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền, ông P có quyền khởi kiện yêu cầu ông H, bà D hoàn trả bằng một vụ án khác.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P cần được chấp nhận một phần, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: Buộc ông Nguyễn Văn P hoàn trả cho ông Lê Văn Q số tiền 500.000.000 đồng và chịu lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền này trong thời gian từ ngày 06/8/2025 đến ngày 26/9/2025.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận khoản tiền 34.583.330 đồng, nên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được xác định lại tương ứng với số tiền 500.000.000 đồng mà bị đơn phải hoàn trả. Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền này.

- Yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là yêu cầu không có giá ngạch và đã được Tòa án chấp nhận. Theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đương sự có yêu cầu được chấp nhận thì không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đó; bên có nghĩa vụ do yêu cầu của bên kia được chấp nhận thì phải chịu án phí.

Việc hủy hợp đồng xuất phát từ lỗi của phía bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn P (ủy quyền cho ông Nguyễn H, bà Phạm Thị D). Do đó, ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk.

[2] Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 53 Luật Công chứng; khoản 4 Điều 422, Điều 423, Điều 425, Điều 427 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/01/2025 giữa bên chuyển nhượng ông Nguyễn Văn P (ủy quyền cho ông Nguyễn H, bà Phạm Thị D) với bên nhận chuyển nhượng ông Lê Văn Q, được công chứng tại Văn phòng C theo số công chứng 000599, quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD.

- Buộc ông Nguyễn Văn P phải hoàn trả cho ông Lê Văn Q số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và số tiền lãi chậm trả từ ngày 06/8/2025 đến ngày 26/9/2025 (52 ngày) theo mức lãi suất 10%/năm là: 7.123.000 đồng (đã làm tròn).

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho ông Lê Văn Q số tiền 12.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001609 ngày 04/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được hoàn trả số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0004275 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 10 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 10 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Duy Thuận